

Bản án số: 141/2022/HS-ST.

Ngày: 22/12/2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K - TỈNH K

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Y Blur và ông Trương Duy Cảnh.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông A Dáo.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân* thành phố KonTum tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 113/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 11 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2022/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 11 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. A Th, sinh ngày 13/8/2000 tại K; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tơ Đra; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không;
Số CCCD: 062200005119, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH;
Nơi ở hiện tại: Thôn Kon Krok, xã Ngok Réo, huyện Đăk Hà, tỉnh K;
Cha: A D, sinh năm: 1969; nghề nghiệp: Làm nông;
Mẹ: Y D, sinh năm: 1970; nghề nghiệp: Làm nông;
Gia đình có 08 anh em. Bị can là con thứ ba;
Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/9/2022 đến nay, có mặt.

2. A M, sinh ngày 02/9/2003, tại K; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Ba Na; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: 6/12; nghề nghiệp: Làm nông;
Số CCCD: 062203006849, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH;
Nơi ở hiện tại: Thôn 5, xã Đ, thành phố K, tỉnh K;
Cha: A W, sinh năm: 1978; nghề nghiệp: Làm nông;
Mẹ: Y H, sinh năm: 1985; nghề nghiệp: Làm nông;
Gia đình bị cáo có 02 chị em. Bị cáo là con út;
Tiền án; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 12/9/2022 đến nay, có mặt.

- **Bị hại:** Chị Lê Thị L, sinh năm 1975, địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, thành phố K, tỉnh K (vắng mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1) Anh Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn 4, xã Đăk Cắm, thành phố K, tỉnh K (vắng mặt).

2) Bà Võ Thị B, sinh năm 1951, địa chỉ: Số 186 TĐ, phường Ng, thành phố K, tỉnh K (vắng mặt).

3) Anh A Tr, sinh năm 1976, địa chỉ: Thôn 5, xã Đ, thành phố K, tỉnh K (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 02/9/2022, bị cáo A Th rủ bị cáo A M đi trộm cắp tài sản, A M đồng ý, A Th điều khiển xe mô tô BKS 82B1-174.93 chở A M đi tìm tài sản trộm cắp, khi thấy nhà chị Lê Thị L, địa chỉ thôn 4, xã Đ, thành phố K không có người ở nhà, hai bị cáo để xe ở ngoài rồi chui rào vào bên trong nhà, bị cáo A M dùng mỏ lết mang theo tháo máy bơm nhưng không được, A Th lấy con dao rựa trong nhà chị L dùng tháo và lấy được máy bơm nước hiệu DAPHOVINA-5HP màu trắng đen. Sau khi lấy được máy bơm cả hai bị cáo mang bán cho bà Võ Thị B với giá 300.000 đồng. A Th chia cho A M 150.000 đồng. Cả hai bị cáo đã tiêu xài hết số tiền do bán máy bơm mà có.

Tại Kết luận định giá, kết luận: Máy bơm nước hiệu DAPHOVINA-5Hp giá trị 6.500.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 118/CT-VKSTPKT ngày 08/11/2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố các bị cáo A Th và A M về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 BLHS, xử phạt A Th và A M, mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho hai bị cáo. Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản cho các chủ sở hữu là đúng quy định. Bị hại, người L quan đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét.

Hai bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Lời nói sau cùng: Hai bị cáo nhận tội, hứa không tái phạm và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*** Về tố tụng:**

- Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT - Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và

những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Bị hại và những người L quan đã được tổng đạt hợp lệ, nhưng vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt họ.

*** Về nội dung:**

[1] Trên cơ sở lời khai của bị cáo, lời khai của những người tham gia tố tụng khác và chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định:

Khoảng 17 giờ ngày 02/9/2022, tại nhà chị Lê Thị L, địa chỉ thôn 4, xã Đ, thành phố K, hai bị cáo A Th và A M đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý bảo vệ tài sản của chủ sở hữu, thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của chị L 01 máy bơm nước hiệu DAPHOVINA-5HP trị giá 6.500.000 đồng. Hành vi của hai bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 BLHS. Do đó Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố đối với hai bị cáo là có căn cứ đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của các bị cáo. Xét thấy:

Hành vi phạm tội của hai bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an, xã hội tại địa Ph.

Hai bị cáo phạm tội đồng phạm giản đơn. Để có cơ sở quyết định hình phạt, cần phải phân hóa vai trò tham gia trong đồng phạm của hai bị cáo, như sau: A Th là người khởi xướng rủ rê và tham gia tích cực nhất, điều khiển xe chở A M đi tìm tài sản trộm cắp, do đó A Th có vai trò chính trong đồng phạm, nên mức hình phạt áp dụng cho A Th phải nghiêm khắc nhất. Đối với A M, khi A Th rủ đi trộm cắp không can ngăn, mà đồng ý ngay và tham gia tích cực trong đồng phạm, cùng A Th mang tài sản trộm cắp đi tiêu thụ, do đó A M có vai trò thứ hai trong đồng phạm, nên mức hình phạt áp dụng đối với A M thấp hơn hình phạt áp dụng cho A Th.

[3] *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Hai bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng. Hai bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[4] *Về nhân thân:* Trước khi phạm tội, hai bị cáo đều có nhân thân tốt. Riêng A Th, sau khi thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, thì ngày 03/9/2022 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp 01 máy bơm nước và 01 micro loa cầm tay của ông Nguyễn Văn Ph, trị giá tài sản 1.593.170 đồng, bị Công an xử phạt hành chính.

[5] Sau khi xem xét tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội; xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của hai bị cáo. HĐXX xét thấy cần phải xử phạt nghiêm M, cách ly hai bị cáo với đời

sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[6] *Hình phạt bổ sung*: Khoản 5 Điều 173 của BLHS quy định người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên hai bị cáo không có nghề nghiệp và không có tài sản, không có điều kiện để chấp hành hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] *Các vấn đề khác*:

- *Xử lý vật chứng*: Cơ quan CSĐT đã quyết định trả lại các tài sản xe mô tô BKS 82B1-174.93 và máy bơm nước hiệu DAPHOVINA-5HP cho các chủ sở hữu là đúng quy định

- *Trách nhiệm dân sự*: Bị hại và những người L quan đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét.

- *Số tiền 300.000 đồng hai bị cáo có được từ việc phạm tội, bán máy bơm cho bà Võ Thị B.* Do bà B không biết tài sản mình mua là tài sản trộm cắp, nên hai bị cáo phải có trách nhiệm trả lại khoản tiền này cho bà B. Tuy nhiên hai bị cáo đã tiêu hết số tiền và bà B không yêu cầu trả lại, nên HĐXX không buộc hai bị cáo nộp lại số tiền 300.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

- *Về án phí*: Hai bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo A Th và bị cáo A M phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo **A Th: 09** (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam **03/9/2022**.

3. Căn cứ khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo **A M: 07** (Bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam **12/9/2022**.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo A Th và bị cáo A M.

4. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo A Th và bị cáo A M, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. *Quyền kháng cáo*: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (22/12/2022). Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh K;
- VKSND tỉnh K;
- VKSND Tp. K;
- Sở tư pháp tỉnh K;
- Cơ quan CSĐT Công an Tp. K;
- Bộ phận HSNV Công an Tp. K;
- Chi cục THADS Tp. K;
- Hồ sơ THA hình sự; L- u HS.
- Những người tham gia tố tụng;
-

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Hoài